

Số: 1215 /SNN-QLCT

Về việc giải trình nội dung chỉnh sửa, bổ sung báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án: Nâng cấp, sửa chữa cảng cá Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh.

Quảng Trị, ngày 10 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ nội dung Thông báo số 1960/TB-HĐTĐ ngày 11/6/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT đã yêu cầu Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp, sửa chữa cảng cá Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh và hiện tại đã hoàn thiện Báo cáo ĐTM dự án theo các nội dung tại văn bản nêu trên (*kèm theo phụ lục nội dung giải trình*).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị xem xét, sớm có văn bản thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “*Nâng cấp, sửa chữa cảng cá Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh*” để Chủ đầu tư có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ Nguyễn Văn Huân;
- Lưu: VT, QLCT.

GIÁM ĐỐC

Hồ Xuân Hòa

PHỤ LỤC NỘI DUNG GIẢI TRÌNH

(Kèm theo văn bản số 1215 /SNN-QLCT ngày 10 /7/2020 của Sở NN và PTNT)

Căn cứ theo Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án “Nâng cấp, sửa chữa cảng cá Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh” ngày 10/06/2020. Chủ đầu tư đã yêu cầu Ban QLDA và đơn vị tư vấn bổ sung, chỉnh sửa theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định như sau:

* *Sự phù hợp của các phương pháp đánh giá tác động môi trường được sử dụng:* Đã bổ sung phương pháp tổng hợp so sánh và đối chiếu với các Dự án trong nội dung báo cáo;

* *Sự phù hợp của các đánh giá về việc lựa chọn công nghệ sản xuất, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường:*

- Quy trình công nghệ thi công nạo vét: Đối với hạng mục nạo vét khu nước trước cảng, năm 2020 Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai thực hiện công trình Nạo vét cửa sông Bến Hải. Mặt khác, Cục đường thủy nội địa Việt Nam đang thực hiện các bước đầu tư xây dựng công trình nạo vét trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và đã có văn bản số 1043/CĐTND-QLKCHT ngày 10/6/2020 gửi UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị thống nhất danh mục, trong đó có hạng mục nạo vét cửa sông Bến Hải. Vì vậy, trong phạm vi dự án Nâng cấp, sửa chữa cảng cá Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh chưa thực hiện hạng mục nạo vét mà kiến nghị đưa vào nạo vét hàng năm do Cục đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện.

- Đã làm rõ thi công cọc là đóng cọc hay ép cọc tại trang 51, 105;

- Đã bổ sung rõ phương án vừa thi công, vừa hoạt động tại Cảng cá tại trang 36 và 37;

- Đã bổ sung làm rõ quy trình vận hành Cảng cá tại trang 37;

- Đã bổ sung thêm các dòng thải ô nhiễm với qua trình tiếp nhiên liệu tại trang 38;

- Đã bổ sung quy trình ứng phó các sự cố rủi ro tràn dầu tại trang 146÷148;

* *Kết quả phân tích, tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường, kinh tế - xã hội khu vực thực hiện dự án và sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án:*

- Đã bổ sung số liệu hiện trạng hoạt động của Cảng (Chú ý các DN hoạt động trong cảng như Ngọc Tuấn; công tác BVMT của Doanh nghiệp này; lượng thải); hiện trạng hoạt động tàu thuyền ra vào cảng, lượng cá đánh bắt tại trang 31÷33;

- Đã bổ sung hiện trạng của Công trình cảng đặc biệt là các công trình biện pháp BVMT hiện tại trang 31÷33;

- Đã bổ sung rõ hơn về hiện trạng nước thải, CTR,... trong khu vực Cảng và công tác quản lý môi trường trong cảng tại trang 31÷33;

- Đã bổ sung hiện trạng tiếp nhận tàu hàng năm tại cảng cá Cửa Tùng tại trang 31;

- Đã bổ sung hiện trạng cảng cá, nạo vét luồng, cảng tại trang 33 và 34;
- Đã bổ sung đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội của Dự án tại trang 76 và 77;
- Đã bổ sung hiện trạng nhu cầu cấp nước tại trang 34.

** Kết quả phân tích, tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường, kinh tế - xã hội khu vực thực hiện dự án*

- Đã bổ sung làm rõ số liệu địa hình/địa chất tại trang 62÷65;
- Đã bổ sung các số liệu kỹ thuật: Trường sóng, dòng chảy, vận chuyển cát và biến đổi đáy, diễn biến đường bờ, vận chuyển trầm tích,... (chế độ thủy động lực (dòng chảy và sóng), cũng như thạch động lực (vận chuyển trầm tích và bồi tụ-xói lở) tại trang 69÷74;

- Đã bổ sung hiện trạng KT-XH khu vực dự án tại trang 75 và 76;

- Đã làm rõ đối tượng tự nhiên, xã hội gần khu vực dự án (số hộ dân, các công trình, các di tích,...) tại trang 18 và 19.

** Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án:*

Đã bổ sung những hạn chế của vị trí thực hiện dự án về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại trang 76.

** Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải, sự phát sinh, quy mô, tính chất nguy hại; các tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các rủi ro sự cố môi trường do chất thải gây ra:*

- Nước thải:

+ Đã làm rõ tính toán thành phần/ chất lượng nước các nguồn nước thải đã và sẽ phát sinh trong hoạt động của Cảng cá tại trang 125÷126;

+ Đã làm rõ căn cứ nào để đưa ra lượng nước thải; xác định lưu lượng nước thải phải dựa trên điều tra phát thải thực tế của Cảng cá Cửa Tùng tại trang 127;

+ Đã bổ sung rõ hơn phương án thu gom nước thải từ các tàu lên hệ thống trên bờ và phương án thu gom nước thải từ vệ sinh bến bãi tại trang 135;

+ Đã đánh giá kỹ tác động của nước thải đến môi trường tại trang 125÷128;

+ Đã bổ sung tính toán đánh giá nước mưa chảy tràn tại trang 103 và 128;

+ Đã bổ sung tính toán đầy đủ lượng nước thải từ các nguồn: Nước thải sinh hoạt các tàu, nước dẫn tàu, nước rửa tàu tại trang 125÷128;

+ Đã bổ sung tính toán khả năng xử lý của hệ thống xử lý tại trang 139÷142.

- Khí thải:

+ Đã bổ sung đánh giá tác động do vận chuyển đồ thải tại trang 97;

+ Đã bổ sung đánh giá kỹ hơn về tác động do bụi, khí thải, mùi hôi từ hoạt động của Cảng, nhất là các cơ sở hấp, sấy, chế biến cá trong Cảng tại trang 124;

+ Đã bổ sung tính toán lượng bụi, khí thải theo hai chiều di chuyển của phương tiện tại trang 92÷95;

+ Đã bổ sung đánh giá quá trình thi công do sơn, hàn tại trang 99;

+ Đã đánh giá khí thải từ hoạt động khu vực nhiên liệu tại trang 124;

+ Đã bổ sung tính toán phát thải do lượng tàu ra vào và lượng xe vận chuyển tại trang 123;

- Chất thải rắn thông thường:

+ Đã bổ sung rõ tính toán lượng CTR sản xuất phát sinh từ quá trình phá dỡ công trình; đất phong hóa tại trang 104 và 105;

+ Lượng CTR phát sinh (chai lọ, bao bì ni long, xốp, gỗ củi,...) trong quá trình nạo vét: Như đã giải trình ở phần trên, Hạng mục nạo vét khu nước trước cảng và luồng lạch đã được tách ra thành 01 dự án độc lập, riêng biệt. Do đó, trong báo cáo sẽ không đánh giá đến chất thải phát sinh do quá trình nạo vét.

+ Đã bổ sung tác động của CTR rơi vãi do vận chuyển cá từ tàu thuyền lên bờ; Các loại CTR từ tàu thuyền xả ra khi cập cảng nếu không kiểm soát tại trang 129;

+ Tính toán đầy đủ lượng CTR quá trình nạo vét (khi thi công và định kỳ) và Đánh giá đúng tỷ lệ bùn, cát đối với việc nạo vét tận thu cát làm vật liệu san lấp công trình và biện pháp xử lý: Như đã giải trình ở phần trên, Hạng mục nạo vét khu nước trước cảng và luồng lạch đã được tách ra thành 01 dự án độc lập, riêng biệt. Do đó, trong báo cáo sẽ không đánh giá đến chất thải phát sinh do quá trình nạo vét

- Chất thải nguy hại:

Đã bổ sung đánh giá rõ về khối lượng CTNH, đặc biệt là CTNH từ dầu mỡ của các phương tiện thi công tại trang 105;

** Việc đánh giá đến cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật và các tác động khác không liên quan đến chất thải*

- Đã bổ sung làm rõ tác động dự án với một số di tích lịch sử văn hóa danh lam gần khu vực dự án (Bến đò Tùng Luật, đò CA Cửa Tùng, bãi tắm Cửa Tùng,...) tại trang 109;

- Đã bổ sung đánh giá kỹ hơn các tác động đến hệ sinh thái cửa sông trong quá trình nạo vét tại trang 107 và 108;

- Đã bổ sung đánh giá kỹ tác động do thay đổi chế độ dòng chảy, bồi lắng, sạt lở do quá trình nạo vét tại trang 109;

- Đã bổ sung tính toán được mức độ ồn cộng hưởng của các thiết bị tại trang 106;

- Đã bổ sung tính toán lại nước mưa chảy tràn (hệ số q) tại trang 103.

** Đánh giá, dự báo các rủi ro về sự cố môi trường do chất thải gây ra*

Đã bổ sung sự cố cháy nổ ở các khu vực kho chứa nhiên liệu tại trang 131.

** Việc đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn; ngập úng; sạt lở, bồi lắng do giải phóng mặt bằng, xây dựng và vận hành dự án*

- Đã bổ sung đánh giá kỹ hơn các tác động do sự cố do sạt lở cầu, bờ sông vào mùa mưa lũ khi có mặt của Cảng tại trang 109, 130 và 131;

- Đã bổ sung tác động do bồi lắng, thay đổi dòng chảy khi có mặt của Công trình Cảng tại trang 130 và 131;

- Đã bổ sung đánh giá tác động hoạt động nạo vét đến: biến đổi lòng sông, sạt lở, bồi lắng tại trang 109;
- Đã đưa ra các kịch bản ứng phó sự cố rủi ro liên quan đến dự án tại trang 110, 111, 131÷133;
- Đã bổ sung làm rõ việc ảnh hưởng đến việc xâm thực bãi tắm Cửa Tùng và các ảnh hưởng khác khi thực hiện dự án tại trang 130 và 131;
- Đã làm rõ những tác động có hay không đến xói lở bờ biển của dự án tại trang 130.

** Các yêu cầu, quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường áp dụng đối với dự án*

- Đã bổ sung Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 5/5/2020 của CP về Phí BVMT đối với nước thải (Hiệu lực 01/72020) tại trang 10;
- Đã bổ sung quy định áp dụng về Luật Khoáng sản tại trang 9;
- Đã bổ sung Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/2/2020 của Chính phủ Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông (hiệu lực 10/4/2020) tại trang 10.

** Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường*

- Biện pháp thu gom, công nghệ xử lý nước thải:
 - + Đã bổ sung phân tích kỹ phương án lựa chọn công nghệ XLNT (cần có HTXL so sánh), cơ sở đưa ra công suất 450m³/ngày đêm tại trang 136÷139;
 - + Đã bổ sung giải pháp xây dựng hồ sự cố đối với HTXL nước thải tại trang 59, 137, 149, 150 và 162;
 - + Xem xét xem lại công nghệ xử lý nước thải vì chi phí lớn, cần nhiều diện tích; và Ban QL cảng có cán bộ chuyên môn vận hành hệ thống: Trên cơ sở dự toán thi công xây dựng công trình Nâng cấp, sửa chữa cảng cá Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh bố trí xây dựng HTXL nước thải với kinh phí được bố trí 3.958.197.000 đồng nên đơn vị tư vấn đã đề xuất HTXL thích hợp nhằm đảm bảo về mặt kinh tế, cũng như hiệu quả xử lý nước thải tại khu vực cảng cá. Về mặt lâu dài, trong suốt quá trình hoạt động của cảng cá thì đơn vị quản lý sẽ bố trí cán bộ chuyên môn để vận hành hệ thống, cũng như quản lý công tác bảo vệ môi trường tại khu vực cảng.
 - + Đã bổ sung các bản vẽ chi tiết và phân tích khả năng xử lý tại trang 139÷142 và phụ lục báo cáo;
- Biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải:
 - + Đã bổ sung tương ứng với các đề xuất nêu trên trong báo cáo;
 - + Đã bổ sung xử lý khí thải bụi từ một số quá trình thi công như hàn, sơn,.. tại trang 114 và 115;
 - + Đã bổ sung biện pháp giảm thiểu bụi khi vệ sinh thảm trước khi phát thảm tại trang 115;
- Phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:
 - + Đã bổ sung tương ứng với các đề xuất nêu trên trong báo cáo;

- + Đã bổ sung mô tả khu vực lưu giữ kho chứa CTNH tại trang 114 và 144;
- + Đã bổ sung làm rõ tần suất thu gom tại trang 114 và 144;
- Phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:
 - + Đã bổ sung làm rõ quy trình quản lý CTR lượng tận dụng, lượng phải chở đi đổ thải, các giải pháp BVMT tại bãi thải tại trang 113;
 - + Đã bổ sung phương án thu gom, xử lý lượng CTR phát sinh từ tàu thuyền trong quá trình hoạt động tại trang 143;
 - + Đã làm rõ biện pháp bùn ở khu xử lý ép được làm gì tại trang 138;
 - + Đã bổ sung làm rõ tần suất thu gom tại trang 143.
- Các biện pháp giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn; công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu; công trình chống ngập úng; sạt lở, bồi lắng: Đã bổ sung giải pháp tác động đến đường bờ, lòng sông tại trang 118;
- Các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải của dự án gây ra:
 - + Đã bổ sung các giải pháp ứng phó sự cố tương ứng trong nội dung báo cáo;
 - + Đã bổ sung công trình ứng phó sự cố HTXLNT theo quy định tại trang 59, 137, 149, 150 và 162;
 - + Đã làm rõ đánh giá tác động đến CBCN, người lao động trên các tàu, người lao động tại cảng cá,.. trong giai đoạn thi công và vận hành trong nội dung báo cáo.
- * *Sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường:*
 - Chương trình quản lý môi trường:
 - + Đã bổ sung cán bộ chuyên trách về môi trường thực hiện công tác quản lý môi trường cho Dự án, đặc biệt là vận hành HTXLNT tại trang 152;
 - + Đã làm rõ trách nhiệm của Chủ dự án, trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận, vận hành sử dụng công trình (Ban Quản lý Cảng cá Quảng Trị) tại trang 151 và 152;
 - Chương trình giám sát môi trường:
 - + Đã rà soát lại tính cần thiết của một số chương trình giám sát đề xuất theo quy định trong nội dung báo cáo;
 - Nước thải:
 - + Đã tăng tần suất giám sát để đánh giá kỹ CLN mặt bị ảnh hưởng do quá trình thi công (ít nhất 1-3 tháng 1 lần) tại trang 60 và 163;
 - + Đã bổ sung giám sát lưu lượng thải nước thải HTXLNT tại trang 61 và 164;
 - Giám sát khác:
 - + Đã bổ sung giám sát trầm tích trong quá trình hoạt động tại trang 61 và 164;
 - + Đã bổ sung giám sát quan trắc các nội dung liên quan sự cố môi trường (bồi lắng, xói lở,...) tại trang 60, 61, 163 và 164.

** Tham vấn:*

Đã bổ sung tham vấn DNTN Tuấn Ngọc và Đoàn Biên phòng Cửa Tùng đính kèm tại phụ lục báo cáo;

** Cam kết bảo vệ môi trường của Chủ dự án:*

- Đã bổ sung cam kết của Chủ đầu tư sẽ làm việc với Sở GTVT trước khi nạo vét do Sông Bến Hải là tuyến đường nội địa Quốc gia, tuyến sông do Cục đường thủy nội địa ủy quyền cho Sở GTVT Quảng Trị quản lý tại trang 170;

- Đã bổ sung cam kết Trước khi thi công cần làm việc với các chủ quản các công trình liên kề để cập nhật theo dõi lưu lại những hư hỏng nứt nẻ về sau tại trang 170.

** Nhận xét khác:*

- Đã bổ sung chứng chỉ quy hoạch xây dựng tại phụ lục;

- Đã bổ sung tính pháp lý, sự tuân thủ của Chủ đầu tư khi thu hồi các sản phẩm nạo vét theo Luật Khoáng sản trong mục 2.1;

- Đã bổ sung thỏa thuận với địa phương nơi đổ đất phong hóa tại phụ lục báo cáo;

- Đã điều chỉnh đổi tên Đường Quốc Phòng ven biển lại thành Quốc lộ 9D trong nội dung báo cáo;

- Đã thống nhất nội dung thuyết minh Bến cập tàu tại trang 23;

- Đã điều chỉnh lại tuyến đường vận chuyển cát: Có thể vận chuyển theo Quốc lộ 49C (thị xã Quảng Trị đi Cửa Việt) và Quốc lộ 49D (Cửa Việt – Cửa Tùng) tại trang 35;

- Đã bổ sung biện pháp giảm thiểu bụi khi vệ sinh thảm trước khi phát thảm tại trang 115;

- Đã bổ sung quy trình vận chuyển Bê tông nhựa, đề nghị mua Bê tông nhựa đối với những đơn vị có đánh giá tác động môi trường tại trang 36;

- Đã rà soát lại danh mục máy móc thiết bị tại Bảng 1.8.